

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TP. HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **204/2018/HS - ST**
Ngày: 24/12/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hoài**

Các Hội thẩm nhân dân : **1. Ông Đinh Quang Huân**

2. Ông Bùi Xuân Đăng

Thư ký phiên tòa: **Bà Đoàn Thị Phương Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, TP Hà Nội.

Đại diện VKSND huyện T - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 226/2018/HS- ST ngày 06/12/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2018/QĐXXST - HS ngày 12/12/2018 đối với các bị cáo:

1. Đặng Tiến T1, sinh năm 1991; HKTT: Tổ 38B, phường M, quận H, Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: 154, phố B, phường K, quận T, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Xuân Đ và bà Đỗ Lê M; Tiền án, tiền sự: không (Danh chỉ bản số 332 lập ngày 28/9/2018 tại Công an huyện T; Bị cáo tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ Đức L, Sinh năm 1991; HKTT + Chỗ ở hiện nay: 23/73, phố L, phường L, quận N, Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Mạnh S và bà Trần Nam A; có vợ là Bùi Thanh H; Tiền án, tiền sự: không (Danh chỉ bản số 331 lập ngày 01/10/2018 tại Công an huyện T); Bị cáo tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Trung T2; Sinh năm 1988; HKTT: 146, Phố H, phường N, quận H, Hà Nội; Nơi ở hiện nay: P730, Chung cư HH3A, phường H, quận H, Hà Nội;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Cung P và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Phạm Kim L và 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không (Danh chỉ bản số 330 lập ngày 28/9/2018 tại Công an huyện T); Bị cáo tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Anh Ngô Tiến D - Sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 45, ngõ 262, phố N, quận T, Hà Nội.

(vắng mặt tại phiên tòa).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Đỗ Lê M - Sinh năm 1974

Địa chỉ: P205B - NC 2, Khu đô thị mới C, xã T, Huyện T, Hà Nội.

(có mặt tại phiên tòa)

+ Anh Trần Văn C - Sinh năm 1991

Địa chỉ: Số 19 Ngõ 178, phố T, phường T, quận Đ, Hà Nội.

(vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 1 năm 2018, anh Ngô Tiến D (sinh năm 1982; địa chỉ: phường T, quận T, Hà Nội) có thuê phòng 1807 - CT4A Chung cư E, T, Huyện T, Hà Nội để mở văn phòng tư vấn và kinh doanh ngoại hối. Vũ Đức L có đến văn phòng của anh D để học hỏi kinh nghiệm, ăn ở tại văn phòng và được anh D giao cho quản lý một chìa khóa từ để ra vào văn phòng; Đặng Tiến T1 có mở 01 tài khoản với số tiền 3.000USD và cho anh D biết mật khẩu để anh D kinh doanh. Sau đó, T1 thấy tiền trong tài khoản của mình bị thua lỗ hết nên có đòi anh D trả lại số tiền trên nhưng anh D không trả nên T1 bàn với L và Nguyễn Trung T2 khi nào anh D không có mặt ở văn phòng sẽ lấy trộm một số tài sản trong văn phòng để buộc anh D phải trả lại tiền cho T1.

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 31/3/2018, khi không thấy anh D ở văn phòng, L đã gọi điện thông báo cho T1 biết để đến lấy trộm tài sản. T1 đồng ý và thuê taxi đến chân thang máy của tòa nhà đợi sẵn. L dùng tay tháo 03 chiếc tivi cho vào thùng, 01 chiếc laptop nhãn hiệu Dell và 01 chiếc CPU mini rồi chuyển những tài sản lấy được xuống tầng 3 của tòa nhà nơi T1 đang đợi sẵn và cùng T1 chuyển tài sản từ tầng 3 xuống tầng 1 tòa nhà. L có gọi điện cho T2 bảo T2 đến vận chuyển cùng và gửi những tài sản này tại nhà ở của T2. T1, T2 mang 03 chiếc tivi lấy được về nhà T2 ở chung cư HH3, phường H, quận H, Hà Nội cất giấu và L cầm 01 laptop, 01 chiếc CPU mini mang về nhà cất. Sau 1 tuần, T1 đến nhà T2 lấy 02 chiếc tivi nhãn hiệu Samsung, bán 01 chiếc với giá 11.000.000đồng cho bà Đỗ Lê M (sinh năm 1974, địa chỉ: Khu đô thị mới C, xã T, Huyện T, Hà Nội là mẹ đẻ của T1) và gửi 01 cái tại nhà ông ngoại là ông Đỗ Quốc H ở K, T, Hà Nội. Sau đó T1

gặp L lấy chiếc CPU mini đem bán cho anh Trần Văn C (sinh năm 1991; địa chỉ: T, T, Đống Đa, Hà Nội) được 6.500.000đồng.

Ngày 02/4/2018, anh Ngô Tiến D quay lại văn phòng làm việc thì phát hiện bị mất trộm các tài sản như trên nên đã đến cơ quan công an trình báo; ngày 04/4/2018, anh D tiếp tục trình báo bị mất 20.000USD để ở túi áo trong tủ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 152 ngày 01/8/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 chiếc tivi nhãn hiệu Sony 43inch đã qua sử dụng có giá trị 5.000.000đồng; 02 chiếc tivi Led Smart 55inch nhãn hiệu Samsung có giá 16.000.000đồng (8.000.000đ/chiếc); 01 chiếc laptop nhãn hiệu Dell có giá 2.000.000đồng và 01 chiếc CPU mini có giá 5.000.000đồng. Tổng giá trị tài sản là 28.000.000đồng.

Quá trình điều tra vụ án, anh Trần Văn C đã giao nộp cho cơ quan công an chiếc CPU, Nguyễn Trung T2 đã giao nộp chiếc tivi Sony; Vũ Đức L giao nộp chiếc laptop; Đặng Tiến T1 giao nộp 02 chiếc tivi Samsung. Ngoài ra, cơ quan điều tra còn tạm giữ của T1 01 điện thoại FPT, tạm giữ của L 01 điện thoại Itel và tạm giữ của T2 01 điện thoại Nokia (đều gắn theo sim của T1, T2 và L sử dụng).

Tại cơ quan điều tra:

- Đặng Tiến T1, Vũ Đức L và Nguyễn Trung T2 khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

- Bà Đỗ Lê M khi mua chiếc tivi Samsung từ T1, không biết đây là tài sản do T1 trộm cắp được nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Bà M đã được T1 trả lại 11.000.000đồng, không yêu cầu gì về dân sự.

- Anh Trần Văn C khi mua chiếc CPU mini không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Anh C đã được T1 trả lại 6.500.000đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

- Ông Đỗ Quốc H được T1 gửi 01 chiếc tivi Samsung nhưng không biết đây là tài sản do T1 trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với 03 chiếc điện thoại di động thu giữ của T1, T2 và L, các bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên tạm giữ để xử lý theo pháp luật.

- Đối với các tài sản: 01 tivi Sony; 02 tivi Samsung; 01 chiếc Laptop và 01 chiếc CPU, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là anh Ngô Tiến D nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho anh D. Anh D không yêu cầu gì về dân sự.

- Đối với việc anh D trình báo bị mất 20.000USD, việc T1 tố cáo anh D sử dụng tài khoản của T1 để kinh doanh ngoại hối bị thua lỗ và việc anh D cùng Nguyễn Trung T2, Trịnh Trung K, Trần Đức B và Phạm Quang C kinh doanh ngoại hối, quá trình điều tra không đủ căn cứ nên cơ quan điều tra đã ra quyết định tách tài liệu liên quan đến những vấn đề này để điều tra, xử lý sau.

Bản cáo trạng số 219/CT - VKSTT ngày 30/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo Đặng Tiến T1, Vũ Đức L và Nguyễn Trung T2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

* Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố là đúng. Khi được nói lời sau cùng các bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Áp dụng khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm i, s khoản 1 Điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ Đặng Tiến T1 từ 08- 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách từ 16- 20 tháng kể từ ngày tuyên án.

+ Vũ Đức L từ 06- 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách từ 12- 20 tháng kể từ ngày tuyên án.

+ Nguyễn Trung T2 từ 06 - 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách từ 12- 20 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Phân dân sự không xem xét.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 03 chiếc điện thoại di động đã thu giữ của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh của các bị cáo: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác được thu thập trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 31/3/2018, tại Chung cư E, xã T, Huyện T, Hà Nội, Đặng Tiến T1, Vũ Đức L và Nguyễn Trung T2 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Ngô Tiến D: 01 chiếc tivi 43 inch nhãn hiệu Sony, 02 chiếc tivi Led Smart 55inch nhãn hiệu Samsung, 01 chiếc Laptop

nhãn hiệu Dell và 01 chiếc CPU mini có tổng giá trị 28.000.000đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo ra trước Tòa án để xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm và bảo đảm trật tự trị an xã hội cần phải xử lý nghiêm khắc mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho mọi người.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả cho người bị hại khắc phục hậu quả; các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân các bị cáo: Các Bị cáo không có tiền án tiền sự.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có đồng phạm. Mặc dù các bị cáo không có sự phân công vai trò cụ thể nhưng mỗi bị cáo đều tích cực thực hiện tội phạm. Bị cáo T1 là người khởi xướng việc phạm tội, trực tiếp mang các tài sản trộm cắp được đi bán cho người khác nên bị cáo T1 có vai trò cao nhất trong vụ án. Bị cáo L trực tiếp lấy tài sản, cất giấu 02 tài sản đã trộm cắp được nên bị cáo L có vai trò thấp hơn bị cáo T1; Bị cáo T2 mang các tài sản trộm cắp được và cho gửi các tài sản tại nhà ở của bị cáo nên bị cáo T2 có vai trò thấp nhất.

Xét các bị cáo phạm tội do cơ hội, bột phát, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam, việc cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo. Sau khi xem xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử cho bị cáo Đặng Tiến T1 và bị cáo Vũ Đức L được hưởng án treo; bị cáo T2 được cải tạo không giam giữ và không buộc bị cáo T2 phải khấu trừ thu nhập hàng tháng do bị cáo là lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn định.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự: «*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*». Xét các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định và để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về dân sự:

- Anh Ngô Tiến D đã nhận lại các tài sản bị các bị cáo chiếm đoạt gồm 01 tivi Sony, 02 tivi nhãn hiệu Samsung; 01 laptop nhãn hiệu Dell và 01 CPU mini. Anh D không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Bà Đỗ Lê M khi mua chiếc tivi Samsung từ T1, không biết đây là tài sản do T1 trộm cắp được nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Bà M đã được T1 trả lại 11.000.000đồng, không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh Trần Văn C khi mua chiếc CPU mini không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Anh C đã được T1 trả lại 6.500.000đồng và không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: 03 chiếc điện thoại di động thu giữ của T1, T2 và L, được các bị cáo sử dụng liên lạc với nhau trong quá trình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản - là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với chiếc thẻ từ ra vào văn phòng của anh D, bị cáo L đã làm thất lạc nên không thu hồi được. Anh D không yêu cầu L phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về việc anh Ngô Tiến D trình báo bị mất 20.000USD, việc T1 tố cáo anh D sử dụng tài khoản của T1 để kinh doanh ngoại hối bị thua lỗ và việc anh D cùng Nguyễn Trung T2, Trịnh Trung K, Trần Đức B và Phạm Quang C kinh doanh ngoại hối, quá trình điều tra không đủ căn cứ nên cơ quan điều tra đã ra quyết định tách tài liệu liên quan đến những vấn đề này để điều tra, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Đỗ Quốc H được T1 gửi 01 chiếc tivi Samsung nhưng không biết đây là tài sản do T1 trộm cắp mà có, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án theo Điều 331, 334 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Tiến T1, Vũ Đức L và Nguyễn Trung T2 phạm tội «Trộm cắp tài sản».

2. Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Tiến T1 và bị cáo Vũ Đức L.

+ Xử phạt bị cáo Đặng Tiến T1 **08 (tám)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách là **16 (mười sáu)** tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND phường K, quận T, Hà Nội quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Xử phạt bị cáo Vũ Đức L **07 (bảy)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách là **14 (mười bốn)** tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND phường L, quận N, thành phố Hải Phòng quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Các bị cáo được hưởng án treo mà thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo các quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, các bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án treo đã được hưởng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trung T2.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T2 **10 (mười)** tháng cải tạo không giam giữ kể từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND phường H, quận H, Hà Nội quản lý giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trong thời gian cải tạo không giam giữ, bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ theo các quy định tại luật thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại FPT màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động NOKIA màu đen đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động IteL màu đen (đều có kèm theo sim) thu giữ của các bị cáo hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/12/2018).

4. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo : Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại (anh Ngô Tiến D) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Đỗ Lê M) có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Trần Văn C) có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Huyện T, TP Hà Nội;
- Công an huyện T, TP Hà Nội;
- Cơ quan Thi hành án hình sự H. Huyện T, Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Huyện T, Hà Nội;
- Bị cáo.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoài